

Bản án số: 47/2023/HS-ST
Ngày 15/9/2023

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI.**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Bách Khanh.

2. Lữ Xuân Điệp.

Thư ký phiên toà: Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bản tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tiên - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023, tại nhà văn hóa đa năng xã Chiềng Ken huyện Văn Bản, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 45/2023/TLST-HS ngày 08/8/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HS ngày 04/9/2023 đối với các bị cáo:

1. Phùng Văn L, sinh ngày 03/3/1984 tại huyện V, tỉnh L.

Nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện V, L.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Phùng Văn T, sinh năm 1961; con bà: Bùi Thị N, sinh năm 1962. Hiện đều trú tại: Thôn T, xã K, huyện V, tỉnh L.

Bị cáo chưa có vợ, con.

* *Tiền sự*: 01 tiền sự Quyết định số 115 ngày 13/11/2020 TAND huyện V, áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc đối với Phùng Văn L với thời hạn 12 tháng, chấp hành xong ngày 25/02/2022.

* *Tiền án*: - Bản án số 18/HSST ngày 25/5/2018 của TAND huyện V, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt Phùng Văn L 08 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chưa được xóa án tích.

- Bản án số 47/HSST ngày 04/10/2019 của TAND huyện V, áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt Phùng Văn L 10 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/4/2020, nhưng chưa chấp hành số tiền bồi thường 7.000.000đ, xác định chưa được xóa tiền án.

* *Nhân thân*: Bản án số 01/HSST ngày 09/11/2003 của TAND huyện V, áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm h, p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2003, xử phạt Lữ 06 tháng tù, về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh L - Có mặt.

2. Hoàng Văn H, sinh ngày 08/01/1987 tại huyện V, tỉnh L.

Nơi cư trú: Thôn C, xã C, huyện V, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12.

Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Hoàng Văn T, sinh năm 1961; con bà: Hoàng Thị P, sinh năm 1961.
Hiện đều cư trú tại: Thôn C, xã C, huyện V, L.

Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1985 (đã li hôn); bị cáo có 02 con lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2009. Hiện đều trú tại huyện Đ, tỉnh T.

* *Tiền sự*: Không.

* *Tiền án*: 01 tiền án, tại bản án số: 19/HSST ngày 13/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện V, áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 20; Điều 53 Bộ luật hình sự năm 2003, xử phạt 01 năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chưa thi hành xong tiền án phí và tiền bồi thường trách nhiệm dân sự.

* *Nhân thân*: - Bản án số: 01/HSST ngày 09/11/2003 của TAND huyện V áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53, khoản 1 Điều 74 Bộ luật hình sự năm 2003, xử phạt 06 tháng tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, đã được xóa án tích.

- Bản án số: 75/HSST ngày 25/4/2016 của TAND thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2003, xử phạt 30 tháng tù về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”, đã được xóa án tích.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 01/5/2023 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện V, tỉnh L - Có mặt.

Bị hại: Chị Hoàng Thị Y, sinh năm 2000 - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện V, tỉnh L.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Hoàng Duy Đ, sinh năm 1986.

Nơi cư trú: Thôn Y, xã K, huyện V, tỉnh L - Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người làm chứng:

1 - Ông Phùng Văn T, sinh năm 1961 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn T, xã K, huyện V, tỉnh L

2 - Ông Triệu Văn P, sinh năm 1979 - Vắng mặt.

Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên Tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ ngày 30/4/2023, Phùng Văn L mượn xe mô tô Air Blade BKS 24V1-159.xx của bố là ông Phùng Văn T - sinh năm 1961, chở Hoàng Văn H đi từ xã K đi vào xã Mchơi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày Hoàng Văn H điều khiển xe mô tô chở L từ xã M về nhà, khi đến địa phận xã D L bảo H dừng xe để L đi tìm nhà người quen để vào chơi. Sau đó L đi vào nhà chị Hoàng Thị Y - sinh năm 2000, thuộc thôn T, xã D thấy không có người ở nhà, L tiếp tục đi xuống bếp thì nhìn thấy có 01 chiếc điện thoại di động vỏ màu xanh để trên mặt bàn. Phùng Văn L cầm lấy chiếc điện thoại cất vào trong túi quần bên trái rồi đi ra chỗ H đang đứng đợi bảo H đi về. Khi đi được

khoảng 500m L nói cho H biết “*Tao vừa trộm được cái điện thoại*”, H hỏi lại “*Điện thoại gì đấy*”. L lấy chiếc điện thoại ra xem biết là điện thoại Iphone nhưng không biết Iphone gì nên có trả lời H là “*Hình như là điện thoại Iphone*”. Sau đó L rủ H mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại của anh Hoàng Duy Đ - sinh năm 1986 ở thôn Y, xã K, huyện V bán lấy tiền chi tiêu chung, H đồng ý. Khi đến cửa hàng điện thoại của anh Đ thì L lấy điện thoại ra đưa H để H mang vào bán, còn L đứng ở ngoài đợi. H cầm điện thoại vào gặp anh Đ nói “*Điện thoại bị con nghịch quên mật khẩu*” bảo anh Đ phá mật khẩu cho, anh Đ bảo giá phá mật khẩu 5 đến 6 triệu đồng. Lúc này H lại nói với anh Đ muốn bán điện thoại, anh Đ bảo điện thoại không có mật khẩu chỉ mua được với giá 400.000 đồng thì H đồng ý bán. Sau đó H đi ra ngoài gặp L bảo điện thoại bán được 400.000đ, L hỏi sao bán được ít thế thì H bảo điện thoại không có mật khẩu nên không bán được giá cao. Sau đó L và H đã chi tiêu chung hết số tiền này, đến ngày 01/5/2023, L và H đến Công an huyện V đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 40/KL-ĐGTS ngày 05/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện V, kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 11 màu xanh, dung lượng 64G, kích hoạt và đưa vào sử dụng từ năm 2019, có trị giá 7.875.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 46/CT-VKS-VB ngày 08/8/2023 của Viện kiểm sát nhân dân V quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện V để xét xử bị cáo Phùng Văn L về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Hoàng Văn H về tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V đề nghị hội đồng xét xử:

* Tuyên bố bị cáo Phùng Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Hoàng Văn H phạm tội: “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

* Về trách nhiệm hình sự:

- Hình phạt chính: + Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phùng Văn L từ 02 năm đến 02 năm 03 tháng tù.

+ Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không.

* Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584, Điều 589 Bộ luật dân sự:

Buộc các bị cáo Phùng Văn L và Hoàng Văn H phải liên đới trả cho ông Hoàng Duy Đ 400.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền,

trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi các bị cáo bị truy tố, tại phiên tòa các bị cáo khai nhận:

Khoảng 07 giờ ngày 30/4/2023, Phùng Văn L mượn xe mô tô Air Blade BKS 24V1-159.xx của bố là ông Phùng Văn T chở Hoàng Văn H đi từ xã K vào xã Mchơi. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày Hoàng Văn H điều khiển xe mô tô chở L từ xã M về nhà, khi đến địa phận xã D, L bảo H dừng xe để L đi tìm nhà người quen vào chơi. Sau đó L đi vào nhà chị Hoàng Thị Y thấy không có người ở nhà, L tiếp tục đi xuống bếp thì nhìn thấy có 01 chiếc điện thoại di động vỏ màu xanh để trên mặt bàn. Phùng Văn L liền trộm cắp chiếc điện thoại cất vào trong túi quần rồi đi ra chỗ H đang đứng đợi bảo H đi về. Khi đi được khoảng 500m L nói cho H biết là vừa trộm được cái điện thoại. Sau đó L rủ H mang điện thoại đến cửa hàng điện thoại của ông Hoàng Duy Đ ở xã K bán. L đứng ở ngoài chờ còn H cầm điện thoại vào quán nói dối với ông Đ là điện thoại của mình và quên mặt khẩu nên muốn bán. Do đó ông Đ chỉ trả 400.000đ, H nhất trí bán. Có được tiền do bán điện thoại L và H đã chi tiêu chung hết, đến ngày 01/5/2023, L và H đến Công an huyện V đầu thú và khai nhận hành vi phạm tội.

Như vậy lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai người bị hại, người làm chứng và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Xác định ngày 30/4/2023, bị cáo Phùng Văn L trộm cắp tài sản của chị Hoàng Thị Y có trị giá 7.875.000đ, trước đó bị cáo đã bị kết án về tội trộm cắp tài sản, đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng tái phạm chưa được xóa án tích nhưng tiếp tục phạm tội. Bị cáo Hoàng Văn H biết rõ *nguồn gốc chiếc điện thoại* Iphone 11 là do bị can Phùng Văn L trộm cắp mà có nhưng bị cáo vẫn trực tiếp mang đi bán lấy tiền tiêu sài chung. Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Phùng Văn L phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 điều 173; bị cáo Hoàng Văn H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 323 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo như sau: Hành vi của các bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Đây là thanh niên còn trẻ, có sức khỏe, nhưng các bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân. Các bị cáo lười lao động muốn chiếm đoạt tài sản của người khác để tiêu sài và hám lời tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có.

- Đối với Phùng Văn L ngoài tiền án ra ngày 09/11/2003 còn bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã được xóa án tích, có 01 tiền sự ngày 13/11/2020 bị Tòa án nhân dân huyện V áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 12 tháng.

- Đối với Hoàng Văn H ngoài 01 tiền án ra ngày 09/11/2003 còn bị Tòa án nhân dân huyện V xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” đã được xóa án tích, ngày 25/4/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã được xóa án tích.

Nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội. Vì vậy cần xử lý các bị cáo với mức án nghiêm khắc tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hoàng Văn H ngày 13/6/2014 bị Tòa án nhân dân huyện V, áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự, xử phạt 01 (một) năm tù về tội “*Trộm cắp tài sản*”, chưa thi hành xong tiền án phí và tiền bồi thường trách nhiệm dân sự chưa được xóa án tích như vậy lần phạm tội này là tái phạm. Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm Hình sự:

Đối với bị cáo Phùng Văn L: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử luôn thành khẩn khai báo; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, sau khi có hành vi vi phạm pháp luật đã ra đầu thú; chưa có gia đình, nghề nghiệp tự do không có tài sản riêng gì.

Đối với bị cáo Hoàng Văn H: Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử luôn thành khẩn khai báo; sống bằng nghề tự do, không có tài sản riêng gì.

Nên giảm nhẹ một phần hình phạt tù và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại chị Hoàng Thị Y đã nhận lại chiếc điện thoại Iphone 11 và không có yêu cầu gì khác về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết.

- Người có quyền nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Duy Đ yêu cầu các bị cáo L, H phải trả lại số tiền 400.000đ đã mua chiếc điện thoại nhưng không biết là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên cần buộc các bị cáo phải liên đới trả lại cho ông Đ số tiền này.

[7] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

[8] Các tình tiết khác của vụ án:

- Đối với ông Hoàng Duy Đ là người đã mua lại chiếc điện thoại Iphone 11 của bị cáo H với giá 400.000đ. Quá trình điều tra xác định, ông Đ mua điện thoại của bị cáo H nhưng không biết nguồn gốc do phạm tội mà có nên cơ quan điều tra không đề cập xử lý là đúng quy định Pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phùng Văn L phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; bị cáo Hoàng Văn H phạm tội: “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

- Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Phùng Văn L 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/5/2023 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 323; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Hoàng Văn H 10 (mười) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 01/5/2023 ngày tạm giữ, tạm giam bị cáo.

* Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Điều 584, Điều 589; Điều 288 Bộ luật dân sự: Buộc các bị cáo Phùng Văn L và Hoàng Văn H phải liên đới trả cho ông Hoàng Duy Đ 400.000đ (*bốn trăm nghìn đồng*) tiền đã mua tài sản các bị cáo trộm cắp mà có. Cụ thể phần của mỗi bị cáo phải trả cho ông Đ là 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại điều 357 Bộ luật Dân sự;

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Phùng Văn L và Hoàng Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, tổng cộng là 500.000đ (*năm trăm nghìn đồng*).

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b, 7c và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh(01);
- VKSND tỉnh(01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(02); Bị hại(01);
- Người có QLNVLQ(01);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, Văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái